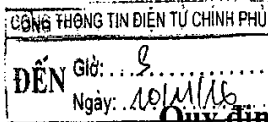


BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31 /2016/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2016



THÔNG TƯ

Quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải

Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải.
2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Một cảng biển do một Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hàng hải.
2. Một Cảng vụ hàng hải thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước tại một hoặc nhiều cảng biển và khu vực quản lý được giao.
3. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các Cảng vụ hàng hải theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam.
4. Tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải phải tuân thủ quy định của Bộ luật hàng hải Việt Nam, Thông tư này và các quy định khác có liên quan của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 3. Vị trí và chức năng

1. Cảng vụ hàng hải là cơ quan trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển và khu vực quản lý được giao.

2. Cảng vụ hàng hải có tư cách pháp nhân, có trụ sở riêng, được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

3. Cảng vụ hàng hải có tên giao dịch viết bằng tiếng Anh là Maritime Administration of ... (tên riêng Cảng vụ hàng hải).

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Tham gia xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển cảng biển, vận tải biển, công nghiệp tàu thủy và tổ chức giám sát thực hiện trong khu vực quản lý sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổ chức thực hiện quy định về quản lý hoạt động hàng hải tại cảng biển và khu vực quản lý; kiểm tra, giám sát luồng, hệ thống báo hiệu hàng hải, công trình hàng hải; kiểm tra hoạt động hàng hải của tổ chức, cá nhân tại cảng biển và khu vực quản lý.

3. Chủ trì phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển và các lực lượng hữu quan trong phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển; hướng dẫn các doanh nghiệp cảng biển đánh giá an ninh cảng biển; kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch an ninh cảng biển đã được phê duyệt.

4. Phê duyệt và tổ chức giám sát thực hiện phương án bảo đảm an toàn hàng hải.

5. Kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch đối với các cơ sở đóng mới, sửa chữa và phá dỡ tàu biển theo thẩm quyền.

6. Thực hiện quản lý kết cấu hạ tầng cảng biển trong khu vực quản lý.

7. Tổ chức kiểm tra giám sát việc duy tu, kiểm định cầu, bến cảng biển.

8. Cấp phép, giám sát tàu thuyền đến, rời, hoạt động tại cảng biển và khu vực quản lý; không cho phép tàu thuyền đến, rời cảng khi không có đủ điều kiện cần thiết về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, lao động hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

9. Thực hiện xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải; thực hiện quyết định bắt giữ tàu biển của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tạm giữ tàu biển theo quy định.

10. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về hàng hải đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan.

11. Chủ trì, điều hành việc phối hợp hoạt động giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển.

12. Phối hợp với Bộ đội Biên phòng, các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển, các lực lượng hữu quan, chính quyền địa phương và doanh nghiệp cảng trong hoạt động quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự tại cảng biển.

13. Tổ chức thực hiện việc đăng ký tàu biển, đăng ký thuyền viên khi được cơ quan có thẩm quyền giao.

14. Triển khai kiểm soát tải trọng, tốc độ phương tiện tại cảng biển; kiểm tra an toàn container tại các cảng biển trong khu vực quản lý.

15. Thực hiện giám sát giá dịch vụ hàng hải; quản lý vận tải biển; tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo và giữa các đảo được giao.

16. Kiểm tra nhà nước cảng biển đối với tàu biển nước ngoài, kiểm tra an toàn đối với tàu biển Việt Nam và phương tiện thủy nội địa hoạt động trong vùng nước cảng biển và khu vực quản lý; điều tra, xử lý theo thẩm quyền các tai nạn hàng hải tại cảng biển và khu vực quản lý.

17. Chủ trì điều phối hoạt động giao thông hàng hải tại cảng biển, khu vực quản lý và tổ chức tìm kiếm, cứu người gặp nạn trong vùng nước cảng biển; huy động người và các phương tiện cần thiết để thực hiện việc tìm kiếm, cứu nạn hoặc xử lý sự cố ô nhiễm môi trường.

18. Tổ chức thực hiện công tác phòng chống thiên tai trong lĩnh vực hàng hải và phối hợp thực hiện quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu tại cảng biển và khu vực quản lý.

19. Thực hiện công bố thông báo hàng hải và xử lý tài sản chìm đắm theo thẩm quyền.

20. Tổ chức thực hiện thanh tra hàng hải và xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

21. Quản lý bộ máy, biên chế, công chức, viên chức, người lao động; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải theo quy định của pháp luật; xây dựng cơ cấu tổ chức, vị trí việc

làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Cảng vụ hàng hải báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

22. Thực hiện cơ chế tài chính theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thu các loại phí, lệ phí hàng hải theo quy định của pháp luật; được sử dụng kinh phí từ nguồn thu phí hàng hải, từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ được giao.

23. Xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt cơ chế tự chủ tài chính, dự toán thu chi ngân sách nhà nước hàng năm và tổ chức thực hiện; quản lý, sử dụng tài sản, tài chính được giao theo quy định của pháp luật.

24. Trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật.

25. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo theo quy định.

26. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác được cơ quan có thẩm quyền giao.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức

1. Cơ cấu tổ chức bộ máy của Cảng vụ hàng hải gồm có:

a) Cảng vụ hàng hải có các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ gồm: Pháp chế; Thanh tra; An toàn - An ninh hàng hải; Tổ chức - Hành chính; Tài vụ; Điều phối lưu thông hàng hải (đối với Cảng vụ hàng hải có hệ thống điều phối lưu thông hàng hải - VTS);

b) Các Đại diện Cảng vụ hàng hải.

2. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này theo đề nghị của Giám đốc Cảng vụ hàng hải. Trường hợp số lượng bộ phận chuyên môn nghiệp vụ ít hơn quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định việc điều chỉnh tên gọi của từng bộ phận chuyên môn nghiệp vụ, bảo đảm phù hợp với chức năng và quy định của pháp luật.

3. Trường hợp thực sự cần thiết, căn cứ vào điều kiện cụ thể, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam thành lập bổ sung bộ phận chuyên môn nghiệp vụ ngoài số lượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này sau khi được Bộ Giao thông vận tải chấp thuận.

4. Giám đốc Cảng vụ hàng hải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ và Đại diện Cảng vụ hàng hải. Tùy theo yêu cầu và địa bàn quản lý thực tế, Giám đốc Cảng vụ hàng hải quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Trạm Cảng vụ hàng hải sau khi được Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam chấp thuận.

Điều 6. Lãnh đạo

1. Cảng vụ hàng hải có Giám đốc là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và pháp luật về toàn bộ hoạt động của Cảng vụ hàng hải. Giúp việc Giám đốc có không quá 03 (ba) Phó Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công.

2. Giám đốc Cảng vụ hàng hải do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật. Phó Giám đốc Cảng vụ hàng hải do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Cảng vụ hàng hải và theo quy định của pháp luật.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh khác thuộc Cảng vụ hàng hải thực hiện theo phân cấp quản lý các chức danh lãnh đạo, quản lý của Cục Hàng hải Việt Nam.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2017.

2. Bãi bỏ Quyết định số 57/2005/QĐ-BGTVT ngày 28 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải.

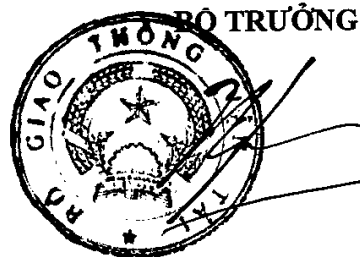
Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, các Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 8;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc CP;
- Các Thủ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông, Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, TCCB (Hùng-05b).



Trương Quang Nghĩa